TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HN-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Lê Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:175/2017/QĐXXST- HN ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường H, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Minh N trình bày:

Chị và anh T tự tìm hiểu được gia đình chấp thuận nên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Cuộc sống vợ chồng của anh chị hạnh phúc khoảng 5 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do sau khi cất nhà ở thành phố V thì anh T bắt đầu thay đổi tính tình, tiền làm ra cất giấu riêng, không quan tâm đến vợ, ghen tuông vô cớ và thường xuyên kiếm chuyện gây gổ chửi mắng, đánh đập xua đuổi chị ra khỏi nhà nhiều lần. Chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn lại

được, không còn tình cảm, nên hôn nhân cũng không thể kéo dài chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung

Về tài sản chung gồm có: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền và mặt 03 chỉ vàng 24K, và 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K, số tài sản này anh T đang quản lý, chị N yêu cầu anh T phải hoàn trả cho chị toàn bộ số vàng trên tương đương 11.500.000 đồng (01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K trị giá 3.000.000 đồng; 01 sợi đây chuyền 02 chỉ vàng 24K trị giá 6.500.000 đồng; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K trị giá 2.000.000 đồng).

Về nợ chung: Không có

Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2017 anh T đồng ý ly hôn với chị N, giữa anh và chị N không có con chung. Về tài sản chung anh thừa nhận có số vàng cưới như chị N trình bày nhưng anh không đồng ý hoàn trả số vàng trên cho chị N, vì khi cưới chị N anh T đã đi cầm bộ đồ nghề của anh để đi mua sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K (không phải 03 chỉ vàng 24K như chị N trình bày) làm sính lễ. Khi về sống chung anh T bán sợi dây chuyền để chuộc lại bộ đồ nghề đi làm, đôi bông tai thì anh T đi cầm 1.500.000 đồng để trang trải cuộc sống sau đó N đến tiệm cầm đồ bán luôn, còn cặp nhẫn cưới thì anh bán để vợ chồng cùng đi Bạc Liêu chơi. Trị giá số vàng cưới là 11.500.000 đồng. Nợ chung không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T, về tài sản chung chị N chỉ yêu cầu anh T hoàn trả lại cho chị giá trị đôi bông tai là 3.000.000 đồng. Anh T đồng ý ly hôn với chị N, nhưng về tài sản chung thì không đồng ý với yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị Minh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2012 cho nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống với nhau anh chị cũng có thời gian hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn, thường xuyên cãi vả nhau, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị N nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T theo Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định có tài sản chung là nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K trị giá 3.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K trị giá 6.500.000 đồng; 01 cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18K trị giá 2.000.000 đồng. Chị N và anh T cũng xác định tài sản này đã bán rồi không còn, nên chị N chỉ yêu cầu anh T hoàn lại cho chị giá trị của đôi bông tai là 3.000.000 đồng, vì chị N cho rằng theo phong tục tập quán thì đôi bông tai là sính lễ cho cô dâu trong ngày cưới không phải là tài sản chung của vợ chồng, anh T đã bán rồi nên anh T phải hoàn trả lại cho chị. Anh T cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng, trong thời gian vợ chồng chung sống chỉ có mình anh đi làm nuôi chị N và con riêng của chị N nên có gặp khó khăn về kinh tế nên anh đã bán và sử dụng chung trong gia đình, giờ chị N yêu cầu anh hoàn lại cho chị giá trị đôi bông tai thì anh không đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Về mặt ý chí, gia đình anh T tặng số nữ trang cho chị N tại thời điểm đám cưới là trên tinh thần tự nguyện giữa bên cho và bên nhận mà không đòi hỏi bất kỳ điều kiện gì khi tặng cho sính lễ. Vì vậy, số nữ trang sính lễ trên được xem là tài sản riêng của chị N chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng. Số nữ trang trên anh T đã bán hết, nay chị N yêu cầu anh T phải trả lại giá trị đôi bông tai 3.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 43, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung : Không có

- Về tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Minh N số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

- Về nợ: Không có

2. Án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Minh N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 506.000 đồng (năm trăm lẻ sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002701 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị N được nhận lại 206.000 đồng (hai trăm lẻ sáu ngàn đồng)

Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Châu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- VKS NDTP VL;
- Chi cục THA TPVL;
- UBND thị trấn Cái Nhum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.